

BÀI 3. BẢO HIỂM

1. KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ LOẠI HÌNH BẢO HIỂM

a. Khái niệm

- KN: Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

b. Các loại hình bảo hiểm

Một số loại hình bảo hiểm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thương mại.

- Bảo hiểm xã hội: gồm bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện

+ BHXH bắt buộc: do người lao động và người sử dụng lao động đóng, hưởng chế độ ốm đau, thai sản, bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất.

+ BHXH tự nguyện: người tham gia được lựa chọn mức đóng phù hợp với thu nhập, hưởng chế độ hưu trí, tử tuất.

- Bảo hiểm y tế: bảo hiểm bắt buộc để bảo vệ sức khỏe, không mang tính lợi nhuận, do Nhà nước tổ chức thực hiện. Được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh.

- Bảo hiểm thất nghiệp: bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm. Được hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm.

+ Bảo hiểm thương mại (kinh doanh bảo hiểm): bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Bảo hiểm thương mại bao gồm: bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.

c. Sự cần thiết của việc tham gia bảo hiểm

- Bảo hiểm cần thiết đối với con người vì: giúp con người chuyển giao rủi ro, chia sẻ rủi ro, khắc phục hậu quả tổn thất.

2. VAI TRÒ CỦA BẢO HIỂM

Bảo hiểm có vai trò to lớn :

+ Về kinh tế: góp phần ổn định tài chính và đảm bảo an toàn cho các khoản đầu tư của cá nhân, là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Về xã hội: góp phần giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người; góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội; góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng phải tham gia theo quy định của pháp luật là

A. bảo hiểm xã hội bắt buộc.

B. bảo hiểm xã hội tự nguyện.

C. bảo hiểm thân thể.

D. bảo hiểm tài sản.

Câu 2: Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do

A. đoàn thể thực hiện.

B. Nhà nước thực hiện.

C. Công đoàn thực hiện

D. người dân thực hiện.

Câu 3: Loại hình dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí cho bên cung cấp dịch vụ để được hưởng bồi thường, chi trả cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm phải gánh chịu khi gặp rủi ro hay thiệt hại xảy ra là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm.

B. Thất nghiệp.

C. Tăng trưởng kinh tế.

D. Phát triển kinh tế.

Câu 4: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

A. bảo hiểm thân thể.

B. bảo hiểm xã hội tự nguyện.

C. bảo hiểm xã hội bắt buộc.

D. bảo hiểm tài sản.

Câu 5: Đối với kinh tế, bảo hiểm là góp phần giúp cho ngân sách Nhà nước

A. ổn định và tăng thu.

B. không bị thâm hụt.

C. mất cân đối thu chi.

D. chi tiêu nhiều hơn.

Câu 6: Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội là bị ốm đau hoặc nghỉ thai sản, nếu đủ điều kiện họ sẽ được nhận

A. tiền trợ cấp theo quy định.

B. toàn bộ số tiền đã đóng.

C. bảo hiểm thất nghiệp.

D. chi phí khám chữa bệnh.

Câu 7: Sau khi hoàn thành các thủ tục nghỉ hưu theo quy định, ông H được nhận chế độ lương hưu hàng tháng. Ông H đã tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm xã hội.

B. Bảo hiểm y tế.

C. Bảo hiểm thương mại.

D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 8: Đặc điểm chung của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đó là đều do

A. hộ gia đình đứng ra tổ chức.

B. Nhà nước đứng ra tổ chức.

C. doanh nghiệp tư nhân tổ chức.

D. doanh nghiệp nước ngoài tổ chức.

Câu 9: Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế là khi không may bị ốm đau, hay xảy ra tai nạn họ sẽ nhận được

A. trợ cấp thai sản, ốm đau.

B. tiền mặt để chi tiêu hàng ngày.

C. thanh toán khám, chữa bệnh.

D. lương hưu hàng tháng.

Câu 10: Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Anh A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

A. Bảo hiểm y tế.

B. Bảo hiểm thương mại.

C. Bảo hiểm xã hội.

D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 1, 2

Ông N từng tham gia đóng BHXH bắt buộc, sau đó ông nghỉ tham gia Hội Nông dân thị trấn khi mới đóng được 15 năm, chưa đủ điều kiện về số năm đóng BHXH để có chế độ hưu trí (tối thiểu 20 năm). Cuối năm 2022, ông quyết định tham gia BHXH tự nguyện, nhờ sự kiên trì theo đuổi đóng đủ số năm quy định, giờ đây ông N chính thức được nhận lương hưu. Ông chia sẻ: “Sau khi được tư vấn cán bộ BHXH huyện, trường hợp của tôi có 2 phương án lựa chọn, 1 là hưởng BHXH 01 lần, hai là đóng 1 lần BHXH tự nguyện những năm còn thiếu. Sau khi nghe cán bộ BHXH phân tích, tôi suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, ông quyết định đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu. Sau khi hoàn thành thủ tục đóng tiền, ít ngày sau tôi nhận tháng lương hưu đầu tiên với số tiền hơn 1,8 triệu đồng. Với khoản lương hưu này giúp tôi có thêm khoản thu nhập để lo cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, tôi còn được cấp thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe trọn đời.

Câu 1: Ông N đã tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội nào dưới đây?

A. Tự nguyện và trọn đời.

B. Tự nguyện và trả góp.

C. Bắt buộc và tự nguyện.

D. Bắt buộc và trả góp.

Câu 2: Ông N không là đối tượng của loại hình bảo hiểm nào được đề cập trong thông tin trên.

A. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

B. Bảo hiểm y tế.

C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu trắc nghiệm đúng sai.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Câu 3: Đọc thông tin sau:

Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại bảo hiểm xã hội. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì hoàn cảnh gia đình, ngày 01/01/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

a) Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

b) Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.

c) Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.

d) Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại.

BÀI 4: AN SINH XÃ HỘI

1. An sinh xã hội và các chính sách an sinh xã hội

- **An sinh xã hội** là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

- Hệ thống chính sách an sinh xã hội hiện nay ở Việt Nam bao gồm:

+ **Chính sách việc làm, thu nhập và giảm nghèo:** tăng cường cơ hội việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho người dân.

+ **Chính sách bảo hiểm xã hội:** hỗ trợ người dân phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, tai nạn lao động, hết tuổi lao động...

+ **Chính sách trợ giúp xã hội:** trợ cấp thường xuyên cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật...) và trợ cấp đột xuất cho người dân gặp rủi ro (thiên tai, dịch bệnh...) để họ ổn định cuộc sống.

+ **Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản:** hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu (giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin)

- An sinh xã hội ra đời nhằm bảo đảm an toàn cho mọi thành viên trong xã hội, trước những rủi ro trong cuộc sống.

2. Vai trò của an sinh xã hội

- **Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội:** An sinh xã hội hỗ trợ người dân chủ động ngăn ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro do các biến cố trong đời sống.

- **Đối với sự phát triển kinh tế xã hội:** Chính sách xã hội tích cực, nhân văn đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân, từng bước thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển. Việc chăm lo, bảo đảm cho con người Việt Nam có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phản ánh tính ưu việt, bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, thúc đẩy gắn kết và phát triển xã hội.

- **Đối với nhà nước:** hệ thống chính sách xã hội đồng bộ, toàn diện, bảo đảm quyền an sinh xã hội của người dân, giúp nhà nước giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A. y tế. B. Thu nhập. C. việc làm. D. công cộng.

Câu 2: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

- A. phạm tội. B. rủi ro. C. quyền lợi. D. lợi nhuận.

Câu 3: Đối với kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

- A. xoá đói giảm nghèo. B. phân hóa giàu nghèo.
C. tăng tỉ lệ thất nghiệp. D. gây bất bình đẳng xã hội.

Câu 4: Chính sách an sinh xã hội có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Nâng cao quản lý xã hội. B. Chính sách tiền tệ.
C. Phương tiện điều hành. D. Chính sách giáo dục.

Câu 5: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Chất lượng cuộc sống. D. Thượng tầng xã hội.

Câu 6: Việc nhà nước có chính sách hỗ trợ gạo từ nguồn ngân sách nhà nước cho nhân dân các vùng khó khăn dịp Tết nguyên đán là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm. B. Chính sách trợ giúp xã hội.
C. Chính sách trợ giúp việc làm. D. Chính sách hỗ trợ thu nhập.

Câu 7: Việc nhà nước đầu tư kinh phí để phát triển hệ thống nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản. B. Chính sách giải quyết việc làm.
C. Chính sách trợ giúp xã hội. D. Chính sách bảo hiểm xã hội.

Câu 8: Việc nhà nước có chính sách trợ cấp hàng tháng cho đối tượng người cao tuổi không thuộc diện được hưởng chế độ hưu trí là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách hỗ trợ y tế.
- B. Chính sách trợ giúp việc làm.
- C. Chính sách hỗ trợ nhà ở.
- D. Chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 9: Ở nước ta hiện nay, chính sách nào dưới đây **không** thuộc hệ thống chính sách an sinh xã hội cơ bản?

- A. Chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội.
- C. Chính sách hỗ trợ giảm nghèo.
- D. Chính sách trợ giúp xã hội.

Câu 10: Đối với sự phát triển kinh tế xã hội, chính sách an sinh xã hội có vai trò nào dưới đây?

- A. Khắc phục rủi ro gặp phải.
- B. Giải quyết các vấn đề xã hội.
- C. Nâng cao chất lượng đời sống.
- D. Nâng cao vị thế của cá nhân.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 11, 12, 13

Hệ thống bảo hiểm xã hội được quan tâm phát triển với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ rủi ro và trợ giúp thiết thực cho những người tham gia. Số người tham gia bảo hiểm bắt buộc tăng nhanh, từ 4,8 triệu (năm 2001) lên 9,7 triệu (năm 2011). Sau gần 3 năm triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện, đến năm 2010 có khoảng 96,6 nghìn người tham gia. Năm 2011 có khoảng 7,6 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm y tế tăng nhanh từ 13,4% dân số (năm 2000) lên khoảng 62% (năm 2010). Đặc biệt, đã thực hiện chính sách bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, một số đối tượng chính sách, người nghèo và hỗ trợ bảo hiểm y tế cho các hộ cận nghèo, ... Bên cạnh đó việc hỗ trợ các đối tượng yếu thế được thực hiện rộng hơn cả về quy mô và đối tượng thụ hưởng với mức trợ giúp ngày càng tăng. Kinh phí trợ giúp thường xuyên từ ngân sách nhà nước và số người được thụ hưởng tăng nhanh, từ 113 tỉ đồng cho hơn 180 nghìn người (năm 2001) tăng lên 4.500 tỉ đồng cho hơn 1,6 triệu người (năm 2010). Hằng năm Nhà nước còn trợ cấp đột xuất hàng nghìn tỉ đồng và hàng chục nghìn tấn lương thực, thuốc men, chủ yếu để trợ giúp khắc phục thiên tai.

Câu 11: Việc nhà nước triển khai chính sách bảo hiểm xã hội là thực hiện chỉ tiêu nào dưới đây của phát triển kinh tế?

- A. Chỉ số tiên bộ xã hội.
- B. Tổng thu nhập quốc dân.
- C. Tổng sản phẩm quốc dân.
- D. Thu nhập theo đầu người.

Câu 12: Hệ thống bảo hiểm xã hội là trụ cột của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

- A. Chính sách bảo hiểm.
- B. Chính sách thu nhập.
- C. Chính sách giảm nghèo.
- D. Chính sách việc làm.

Câu 13: Việc các đối tượng yếu thế được nhận sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước là thực hiện chính sách an sinh xã hội nào của nhà nước?

- A. Chính sách trợ giúp xã hội.
- B. Chính sách bảo hiểm xã hội.
- C. Chính sách giảm nghèo.
- D. Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.

Câu trắc nghiệm đúng/sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 14: Đọc thông tin sau:

Nhà nước đã dành 21% ngân sách cho phúc lợi xã hội, là mức cao nhất trong số các nước ASEAN, nhờ đó đã cơ bản thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, thông qua chính sách hỗ trợ trực tiếp của Chính phủ và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, đã hỗ trợ hơn 14,4 triệu người với tổng kinh phí hơn 33.000 tỷ đồng. Trong 5 năm qua, đời sống người có công không ngừng được nâng lên; hằng năm ngân sách Nhà nước dành hơn 32.000 tỷ đồng để thực hiện các chế độ ưu đãi người có công và thân nhân. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từng bước trở thành trụ cột chính trong hệ thống an sinh xã hội.

- a) Việc hỗ trợ kinh phí với các đối tượng là người có công và thân nhân là thực hiện chính sách trợ giúp xã hội.
- b) Phát triển kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.
- c) Nhà nước vừa chú trọng phát triển kinh tế vừa quan tâm thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- d) Ngân sách nhà nước là nguồn lực duy nhất để thực hiện các chính sách an sinh.

BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

1. Kế hoạch kinh doanh và sự cần thiết của lập kế hoạch kinh doanh.

- Kế hoạch kinh doanh là bản mô tả những nội dung cơ bản về định hướng, mục tiêu, nguồn lực, tài chính, kế hoạch bán hàng.... nhằm giúp chủ thể kinh doanh xác định được các nhiệm vụ chủ yếu,

chuẩn bị trước các phương án đối phó với những rủi ro, thách thức cũng như đề ra các giải pháp để đảm bảo thực hiện được mục tiêu đã đề ra.

- Lập kế hoạch kinh doanh giúp chủ thể kinh doanh nắm bắt tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai, giúp xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện, chủ động thực hiện và điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, giúp người kinh doanh có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh

- Ý tưởng kinh doanh.

- Mục tiêu kinh doanh.

- Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xác định chiến lược kinh doanh.

- Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược.

- Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.

3. Các bước lập kế hoạch kinh doanh

- Bước 1: Xác định ý tưởng kinh doanh.

- Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh. (cụ thể, rõ ràng, thực tế, phù hợp khả năng)

- Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh. (gồm: sản phẩm, dịch vụ kinh doanh, thị trường, khách hàng, tài chính, nhân sự...)

- Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh với chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh.

- Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và biện pháp xử lý.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Bản tóm tắt kế hoạch kinh doanh **không** bao gồm nội dung nào dưới đây?

A. Thuận lợi và khó khăn.

B. Ý tưởng kinh doanh.

C. Tên kế hoạch kinh doanh.

D. Thời điểm thành công.

Câu 2: Kế hoạch kinh doanh xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược, công việc dự định thực hiện và cách đạt được

A. trách nhiệm xã hội.

B. mục tiêu xã hội.

C. mục tiêu kinh doanh.

D. trách nhiệm kinh tế.

Câu 3: Khi phân tích yếu tố tài chính để thực hiện ý tưởng kinh doanh, chủ thể cần phải phân tích nội dung nào dưới đây?

A. Số vốn hiện có.

B. Số vốn lợi nhuận.

C. Số vốn chưa có.

D. Lợi nhuận sẽ có.

Câu 4: Lập kế hoạch kinh doanh giúp các chủ thể kinh doanh xác định được

A. số thuế có thể gian lận.

B. chiến lược kinh doanh.

C. thủ đoạn khách hàng.

D. đối tác cần loại bỏ.

Câu 5: Kế hoạch kinh doanh là bản phác thảo quá trình kinh doanh trong một khoảng thời gian

A. không xác định.

B. chưa xác định.

C. mãi mãi.

D. nhất định.

Câu 6: Khi mở quán cà phê, anh Q đặt mục tiêu là phục vụ ít nhất 100 người/ngày; doanh thu đạt khoảng 180 triệu đồng/tháng, sau 3 tháng hoạt động quán thu hồi đủ vốn và bắt đầu có lợi nhuận. Anh Q đã đặt mục tiêu kinh doanh ở nội dung nào dưới đây?

A. Đối tác.

B. Thị trường.

C. Sản phẩm.

D. Tài chính.

Câu 7: Nhận thấy tỉnh B có nhu cầu lớn về các sản phẩm gỗ nhân tạo do có nhiều khu công nghiệp lớn chuẩn bị đi vào hoạt động. Công ty A đã quyết định lên kế hoạch mở rộng thị trường sang tỉnh B. Công ty A đã phân tích các điều kiện kinh doanh ở nội dung nào dưới đây?

A. Sản phẩm.

B. Thị trường.

C. Tài chính.

D. Khách hàng.

Câu 8: Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

A. Xác định thời gian khai trương.

B. Xác định mục tiêu làm từ thiện.

C. Xác định mục tiêu kinh doanh.

D. Xác định thời gian đóng cửa.

Câu 9: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện trong kế hoạch kinh doanh?

A. Các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh.

B. Mục tiêu và chiến lược kinh doanh.

C. Kế hoạch hoạt động kinh doanh.

D. Thông số kỹ thuật, công thức sản xuất sản phẩm.

Câu 10: “Chỉ ra những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình kinh doanh, có thể là những rủi ro về chính trị, kinh tế, công nghệ...và dự kiến các biện pháp xử lý” là nội dung của kế hoạch hoạt động kinh doanh nào?

A. Kế hoạch phân tích rủi ro.

B. Kế hoạch tiếp thị, bán hàng.

C. Kế hoạch phát triển doanh nghiệp.

D. Kế hoạch tổ chức sản xuất.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 11, 12, 13

Bạn H yêu thích hoa và mơ ước mở cửa hàng hoa tươi. Sau khi nghiên cứu thị trường, phân tích nhu cầu khách hàng và khả năng của bản thân, H lên ý tưởng kinh doanh sản phẩm chất lượng, dịch vụ hàng đầu, thỏa mãn nhu cầu về hoa tươi hướng đến cuộc sống xanh, đẹp. Ngoài ra, H đã kết nối được nguồn hoa tươi tại các nhà vườn với giá cả phải chăng cùng đội ngũ nhân sự giỏi...

- Sáu tháng đầu: được người tiêu dùng đón nhận và hài lòng về sản phẩm.

- Một năm thu hồi vốn ban đầu, hai năm mở được cửa hàng thứ hai, ba năm chiếm lĩnh 20% thị phần tại khu vực.

- Xây dựng chuỗi thương hiệu hoa tươi và mở các lớp đào tạo về nghệ thuật cắm hoa sau một năm hoạt động.

Câu 11. Trong những nhận định sau đây, có bao nhiêu nhận định **đúng** trong tình huống trên?

a) Bạn H đã thực hiện việc xác định ý tưởng kinh doanh phù hợp.

b) Ý tưởng kinh doanh của bạn H xuất phát từ nguồn lực nội tại là đam mê, khát vọng.

c) Bạn H đã tận dụng cơ hội bên ngoài là nguồn cung ứng, sức cạnh tranh.

d) Bạn H đã thực hiện việc phân tích rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

A. 4

B. 2

C. 3

D. 1

Câu 12. Ý tưởng kinh doanh của bạn H xuất phát từ

A. lợi thế nội tại, đam mê, hiểu biết, khả năng huy động nguồn lực.

B. những nhu cầu mới chưa được đáp ứng, nguồn lợi từ chính sách.

C. sự trợ giúp của những người xung quanh như người thân, bạn bè

D. khả năng xác định mục tiêu kinh doanh và phân tích rủi ro.

Câu 13. Thông qua việc đặt mục tiêu cụ thể và khả thi, bạn H đã thực hiện việc

A. xác định mục tiêu kinh doanh.

B. xây dựng kế hoạch hoạt động.

C. phân tích điều kiện kinh doanh.

D. phân tích rủi ro tiềm ẩn.

Câu trắc nghiệm đúng sai.

Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai:

Câu 14: Đọc thông tin sau:

Với mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch trên địa bàn huyện X. Sau khi tham khảo một số mô hình cũng như kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh này. Anh H đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình. Qua tìm hiểu thực tế anh nhận thấy, đây là sản phẩm đang có nhu cầu lớn, nếu chất lượng đảm bảo thì hoàn toàn có thể chiếm lĩnh được lòng tin của người tiêu dùng. Đặc biệt, qua tư vấn của bạn bè, anh H đã dự liệu được những rủi ro, khó khăn tiềm ẩn để có giải pháp khắc phục. Trên cơ sở tìm hiểu và đánh giá này, anh H đã lên kế hoạch chi tiết việc bán hàng, tiếp thị, quảng cáo để quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng. Sự cam kết của anh đối với việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và an toàn đã thu hút được người tiêu dùng. Chính các yếu tố này đã giúp anh H xây dựng thành công thương hiệu của mình trên địa bàn huyện X, anh dự định sẽ tiếp tục mở rộng các cửa hàng để hình thành chuỗi cửa hàng chất lượng cao.

a) Anh H chưa biết phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.

b) Giữa việc xác định mục tiêu và ý tưởng kinh doanh chưa có sự thống nhất.

c) Anh H đã biết đánh giá cơ hội rủi ro và có biện pháp xử lý.

d) Anh H đã biết xác định chiến lược kinh doanh.

BÀI 6: TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Khái niệm, hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

- Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà một doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể, nhằm mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, đóng góp cho các mục tiêu xã hội và sự phát triển bền vững đất nước.

- Trách nhiệm xã hội được thực hiện qua một số hình thức cơ bản sau:

+ Trách nhiệm kinh tế: đầu tư tối ưu quy trình vận hành dẫn đến tiết kiệm chi phí; sản xuất hàng hoá, dịch vụ mà xã hội cần với mức giá hợp lý, tạo công ăn việc làm cho người lao động với mức thù lao xứng đáng, tạo cho họ cơ hội phát triển chuyên môn, nghề nghiệp; đảm bảo chất lượng, an toàn sản phẩm cho người tiêu dùng,

+ Trách nhiệm pháp lý: tuân thủ pháp luật về thuế, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

+ Trách nhiệm đạo đức: thực hiện đạo đức kinh doanh; sản xuất sản phẩm, dịch vụ không gây hại cho xã hội và môi trường, đối xử công bằng, khách quan với người lao động.

+ Trách nhiệm từ thiện, nhân văn: tham gia các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo, giúp đỡ những người trong cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn, tham gia các hoạt động công ích xã hội, đóng góp phát triển cộng đồng.

2. Ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

+ Đối với doanh nghiệp: mang đến nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: tạo ra hình ảnh thương hiệu, tạo dựng tên tuổi, hình ảnh xã hội của doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin đối với công chúng và tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

+ Đối với xã hội: góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, hỗ trợ giải quyết những khó khăn, thách thức của cộng đồng và xã hội; góp phần bảo vệ môi trường.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: “Doanh nghiệp tuân thủ pháp luật kinh doanh, thực hiện nghiêm nghĩa vụ nộp thuế” là thực hiện trách nhiệm

- A. pháp lý. B. kinh tế. C. đạo đức. D. nhân văn.

Câu 2: “Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh, làm điều đúng, chính đáng, công bằng; tránh gây hại cho con người, xã hội và môi trường.” Là hình thức thực hiện trách nhiệm

- A. đạo đức. B. kinh tế. C. đạo đức. D. nhân văn.

Câu 3: Trong quá trình sản xuất kinh doanh, giám đốc công ty M luôn luôn chỉ đạo nhân viên phải không ngừng cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để tạo ra những sản phẩm chất lượng, an toàn là đã góp phần thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm pháp lý. B. Trách nhiệm đạo đức.
C. Trách nhiệm kinh tế. D. Trách nhiệm nhân văn

Câu 4: Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp?

- A. Từ chối bảo vệ người tiêu dùng. B. Ủng hộ quỹ nhân đạo.
C. Chấp hành việc bảo vệ môi trường. D. Tuân thủ nghĩa vụ thuế.

Câu 5: Doanh nghiệp “ tham gia các hoạt động cộng đồng, thiện nguyện, nhân đạo, đóng góp các nguồn nhân lực cho cộng đồng...” là thực hiện trách nhiệm

- A. nhân văn. B. kinh tế. C. đạo đức. D. pháp lý.

Câu 6: “Toàn bộ trách nhiệm bắt buộc và tự nguyện mà doanh nghiệp thực hiện đối với xã hội bằng những chính sách và việc làm cụ thể mang lại những ảnh hưởng tích cực đến xã hội, cộng đồng, đóng góp cho việc thực hiện mục tiêu xã hội, vì sự phát triển của quốc gia.” Được gọi là

- A. trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
B. nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp.
C. trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp.
D. nghĩa vụ xã hội của doanh nghiệp.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp?

- A. Góp phần bảo vệ môi trường sống.
B. Hỗ trợ giải quyết những khó khăn của cộng đồng.
C. Nâng cao thương hiệu và uy tín doanh nghiệp.
D. Giúp ổn định cuộc sống cộng đồng.

Câu 8: Khi đại dịch Covid 19 bùng phát, doanh nghiệp HD đã trích quỹ để ủng hộ Quỹ vacxin của chính phủ, việc làm này thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

- A. Trách nhiệm nhân văn. B. Trách nhiệm đạo đức.
C. Trách nhiệm pháp lý. D. Trách nhiệm kinh tế.

Câu 9: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bao gồm trách nhiệm

- A. tự nguyện và tự giác. B. tự nguyện và bắt buộc.

C. bắt buộc và tự giác.

D. bắt buộc và cưỡng chế.

Câu 10: Công dân thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức nào dưới đây?

A. Trách nhiệm nhân văn.

B. Trách nhiệm từ thiện.

C. Trách nhiệm pháp lý.

D. Trách nhiệm kinh doanh.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi bên dưới 11,12,13

Là một doanh nghiệp nhỏ ngành dệt may ở một xã thuần nông, doanh nghiệp V đã cung ứng cho thị trường nhiều sản phẩm có chất lượng cao, thân thiện với môi trường. Công ty đã thu hút được những lao động là thanh niên trong xã, đào tạo họ trở thành những người thợ lành nghề, có việc làm và thu nhập ổn định. Hằng năm, doanh nghiệp còn hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong xã được đi học đại học, tham gia nhiều hoạt động cộng đồng trong xã. Bên cạnh đó công ty rất quan tâm đến đời sống người lao động, ngoài việc thực hiện tốt các chế độ theo quy định, công ty còn chủ động tìm các nguồn kinh phí hợp pháp để hỗ trợ người lao động gặp khó khăn ổn định cuộc sống. Nhờ vậy, uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng, người lao động và xã hội ngày càng tăng, công việc kinh doanh ngày càng phát triển. Năm qua doanh nghiệp được cơ quan thuế tặng bằng khen vì thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế trên địa bàn.

Câu 11: Việc hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong xã được đi học đại học và tham gia các hoạt động cộng đồng trong xã là thể hiện trách nhiệm xã hội nào dưới đây của doanh nghiệp?

A. Trách nhiệm kinh tế.

C. Trách nhiệm pháp lý.

B. Trách nhiệm nhân văn.

D. Trách nhiệm địa phương.

Câu 12: Danh hiệu thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế mà công ty đạt được phản ánh việc thực hiện tốt trách nhiệm nào dưới đây của doanh nghiệp?

A. Trách nhiệm kinh tế.

B. Trách nhiệm pháp lý.

C. Trách nhiệm nhân văn.

D. Trách nhiệm đạo đức.

Câu 13: Việc làm nào dưới đây của doanh nghiệp V **không** thể hiện trách nhiệm kinh tế của doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất, kinh doanh?

A. Cung cấp các sản phẩm có chất lượng cao.

B. Hỗ trợ kinh phí cho học sinh theo học đại học.

C. Giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

D. Sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường.

Câu trắc nghiệm đúng sai (Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a,b,c,d ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai)

Câu 14: Đọc đoạn thông tin sau:

Công ty cổ phần B sản xuất hàng đồ chơi trẻ em. Từ nhiều năm nay, công ty đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, hàng năm đầu tư hàng tỉ đồng để xây dựng hệ thống xử lý nước thải bảo vệ môi trường; sản xuất đồ chơi không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em. Đồng thời, công ty còn thực hiện đúng nghĩa vụ kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định.

a) Thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường là công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm xã hội ở hình thức pháp lý và kinh tế.

b) Việc sản xuất các đồ chơi không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em là phù hợp với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở hình thức đạo đức và kinh tế.

c) Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước gắn liền với trách nhiệm nhân văn của doanh nghiệp.

d) Thông qua việc tạo ra những sản phẩm không ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ em, công ty B đã thể hiện trách nhiệm của mình trong việc thúc đẩy phát triển bền vững.

Hết